

27. Cách sử dụng một số cấu trúc P₁

- *Have sb/sth + doing*: làm cho ai làm gì.
John had us laughing all through the meal.
- *S + won't have sb + doing = S + won't allow sb to do sth*: không cho phép ai làm gì
I won't have him telling me what to do.
- Các cụm phân từ: *adding, pointing out, reminding, warning, reasoning that* đều có thể mở đầu cho một mệnh đề phụ gián tiếp.
He told me to start early, reminding me that the road would be crowded.
Reasoning that he could only get to the lake, we followed that way.
- *To catch sb doing sth*: bắt gặp ai đang làm gì (hàm ý bị phạt lòng).
If she catches you reading her diary, she will be furious.
- *To find sb/sth doing sth*: Thấy ai/ cái gì đang làm gì
I found him standing at the doorway
He found a tree lying across the road.
- *To leave sb doing sth*: Để ai làm gì
I left Bob talking to the director after the introduction.
- *Go/come doing sth* (dùng cho thể thao và mua sắm)
Go skiing/ go swimming/ go shopping/ come dancing
- *To spend time doing sth*: Bỏ thời gian làm gì
He usually spends much time preparing his lessons.
- *To waste time doing*: hao phí thời gian làm gì
She wasted all the afternoon having small talks with her friends.
- *To have a hard time/trouble doing sth*: Gặp khó khăn khi làm gì
He has trouble listening to English. I had a hard time doing my homework.
- *To be worth doing sth*: đáng để làm gì
This project is worth spending time and money on.
- *To be busy doing something*: bận làm gì
She is busy packing now.
- *Be no/ not much/ any/ some good doing smt*: Không có ích, ít khi có ích (làm gì)
It's no good my talking to him: Nói chuyện với anh ta tôi chả thấy có ích gì.
What good is it asking her: Hỏi cô ta thì có ích gì cơ chứ
- P₁ được sử dụng để rút ngắn những câu dài:
 - Hai hành động xảy ra song song cùng một lúc thì hành động thứ hai ở dạng V-ing, hai hành động không tách rời khỏi nhau bởi bất kì dấu phẩy nào.
He drives away and whistles = He drives away whistling.

- Khi hành động thứ hai hoặc các hành động tiếp sau theo nó là một phần trong quá trình diễn biến của hành động thứ nhất thì hành động thứ hai hoặc các hành động tiếp theo sau nó ở dạng V-ing. Giữa hai hành động có ngăn cách nhau bởi dấu phẩy.

She went out and slammed the door = She went out, slamming the door.

- Khi hành động thứ 2 hoặc các hành động sau nó là kết quả của hành động thứ nhất thì hành động thứ 2 và các hành động tiếp theo sẽ ở dạng V-ing. Nó sẽ ngăn cách với hành động chính bằng một dấu phẩy.

He fired two shots, killling a robber and wounding the other.

- Hành động thứ 2 không cần chung chủ ngữ với hành động thứ nhất mà chỉ cần là kết quả của hành động thứ nhất cũng có thể ở dạng V-ing.

The plane crashed, its bombs exploding when it hit the ground.